

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 46/2018/HSPT
Ngày 27-4 -2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thơ;

Ông Lê Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Minh Hiếu, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2018/TLPT-HS ngày 30 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Võ Văn S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Võ Văn S, sinh năm 1984, tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Thợ cắt kiếng; Trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn C (đã chết) và bà Lê Thị L; Chưa có vợ, con;

Tiền sự: Không; Tiền án: 06 lần, cụ thể:

- Ngày 23-12-2002, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 53/2002/HSST;

- Ngày 17-02-2004, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 06/2004/HSST;

- Ngày 27-4-2004, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 13/2004/HSST.

- Ngày 13-12-2007, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 38/2007/HSST.

- Ngày 11-6-2014, bị Tòa án nhân dân huyện C1 xử phạt 02 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 61/2014/HSST, bị kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phúc thẩm bản án số 130/2014/HSPT ngày 14-8-2014

(giữ nguyên bản án sơ thẩm). Bị cáo chấp hành xong án hình phạt tù vào ngày 06-01-2016.

Tuy nhiên sau khi mãn hạn tù về thì ngày 04-02-2017, bị cáo thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng vụ án chưa được điều tra thì đến ngày 23-02-2017 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” vụ án này bị cáo đã bị khởi tố điều tra, truy tố, xét xử. Ngày 14-6-2017, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã đưa vụ án ra xét xử, Tòa đã xử phạt bị cáo 04 năm tù (bản án HSST số 32/2017/HSST ngày 14-6-2017), bị cáo kháng cáo bản án này, ngày 29-8-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm (Bản án HSPT số 82/2017/HSPT ngày 29-8-2017), giữ nguyên bản án bản án HSST số 32/2017/HSST ngày 14-6-2017 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Như vậy bị cáo phạm tội sau lại xét xử trước, phạm tội trước thì lại xét xử sau.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Mỹ Phước- thuộc Tổng cục VIII- Bộ công an, đã được trích xuất về trại tạm giam công an tỉnh Tiền Giang để phục vụ cho công tác xét xử.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 04-02-2017, Võ Văn S điều khiển xe mô tô biển số 63B3-387.54 của chị Trần Thị Mỹ L cùng đến thuê phòng 106 tại nhà trọ “333”, địa chỉ số 333, đường huyện 86B, ấp T, xã T1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang của chị Hồ Thị T nghỉ qua đêm và dựng xe phía trước nhà trọ. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 05-02-2017, bị cáo S nhìn thấy chị L ngủ say, chìa khóa xe để trên bàn, một bóp nữ màu đen của chị L để trên thành bê tông gần đầu nằm nơi chị L đang ngủ nên S lén lút lấy trộm chìa khóa, lấy bóp nữ màu đen của L bên trong có một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63B3-387.54 do chị Nguyễn Thị Thanh H đứng tên (L mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên), một giấy mua bán xe của chị L với cửa hàng “Mạnh Phát”, hai nhẫn vàng 24K mỗi chiếc trọng lượng 02 chỉ, tiền Việt Nam 1.800.000 đồng (L khai mất số tiền 8.570.000 đồng), 01 nón bảo hiểm. Sau đó, S lấy xe mô tô biển số 63B3-387.54 chạy đến thành phố T3, tỉnh Long An bán cho ông Trần Văn L1 (Út Anh) là chủ cửa hàng xe máy “Út Anh” giá 11.000.000 đồng. Khi bán, S đưa giấy chứng minh nhân dân của S để L1 phô tô lưu lại và trực tiếp ký giấy mua bán xe cho L1. Sau đó, bị cáo S đến tiệm vàng (không xác định được tên) ở khu vực Phường 3, thành phố T3 bán 02 chiếc nhẫn vàng được 12.500.000 đồng, số tiền có được từ việc chiếm đoạt tài sản thì S tiêu xài hết.

Sau khi mua xe mô tô biển số 63B3-387.54 từ bị cáo S, anh Nguyễn Văn H (nhân viên làm thuê cho ông L1) bán lại cho ông Nguyễn Văn T giá 19.300.000

đồng và làm thủ tục sang tên, chuyển vùng cho chị Nguyễn Thị Hoàng O (con ruột và ngụ cùng địa chỉ ông T) đứng tên. Ông Trần Văn L1, Nguyễn Văn T không biết xe mô tô trên do S trộm cắp mà có.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 55 ngày 07-02-2017 của Hội đồng định giá Công an thành phố M kết luận:

- Một xe mô tô biển số 63B3-387.54 số máy: 1DR1119309, số khung RLCN1DR10EY119298 trị giá 18.400.000 đồng;

- 04 chỉ vàng 24K tại thời điểm ngày 05-02-2017 có giá mua vào 13.620.000 đồng, giá bán ra 13.800.000 đồng.

Bị hại L không yêu cầu định giá cái bóp và nón bảo hiểm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 19-01-2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn S 04 (bốn) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm tù của bản án số: 82/2017/HS-PT ngày 29-8-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Tổng cộng bị cáo S phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25-02-2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, bị cáo Võ Văn S có đơn kháng cáo bản án hình sự số 05/2018/HS-ST ngày 19-01-2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, với nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Văn S thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như án sơ thẩm đã xét xử bị cáo, tuy nhiên với mức hình phạt là 04 (bốn) năm tù đối với bị cáo là nặng, nên bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần tranh luận và luận tội, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm. Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ đúng người, đúng tội. Khi xét xử tòa cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cùng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để quyết định hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không bổ sung thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới, với mức hình phạt mà tòa cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là 04 (bốn)

năm tù giam là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Văn S. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 19-01-2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo Võ Văn S đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo S phạm tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến tài sản của người khác, chỉ vì mục đích tham lam tư lợi mà lại không chịu lao động, bị cáo đã có nhiều tiền án, sau khi mãn hạn tù về là bị cáo lại tiếp tục phạm tội, điều này cho thấy bị cáo không chịu cải tạo sửa chữa lỗi lầm mà ngày càng lao sâu vào con đường phạm tội. Do vậy xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm khắc để có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy khi quyết định hình phạt, tòa cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không bổ sung thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới hơn so với các tình tiết giảm nhẹ mà tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo. Do vậy không có căn cứ nào để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, với mức hình phạt tòa cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù giam là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 19-01-2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Trong vụ án này tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là 04-02-2017, theo Công văn số 04/TANDTC –PC ngày 09-01-2018 về việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số

41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội. Tại điểm b Điều 1 Công văn số 04/TANDTC –PC ngày 09-01-2018 quy định :

b) Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử....

Hành vi phạm tội của bị cáo Võ Văn S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

c) Tái phạm nguy hiểm

Đối với tội “Trộm cắp tài sản” theo Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 được quy định tại Điều 173. Tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

g) Tái phạm nguy hiểm

Như vậy mức hình phạt được quy định ở BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và mức hình phạt được quy định ở BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là bằng nhau. Như vậy đối chiếu với quy định tại điểm b Điều 1 Công văn số 04/TANDTC –PC ngày 09/01/2018 thì không áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 mà áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 để xét xử bị cáo Võ Văn S là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Công văn số 04/TANDTC –PC ngày 09-01-2018 thì tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng để xét xử bị cáo cũng phải điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật. Áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, đồng thời tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 19-01-2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, tòa cấp sơ thẩm tổng hợp hình phạt đối với bị cáo nhưng lại không áp dụng điều luật về việc tổng hợp hình phạt như vậy là không phù hợp với quy định của pháp luật, tuy nhiên việc không áp dụng điều luật về tổng hợp hình phạt đối với bị cáo S, việc này không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp đối với bị cáo. Do vậy chỉ cần bổ sung thêm vào Bản án cho phù hợp với quy định của pháp luật. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50, Điều 51 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo S.

[4] Về án phí HSPT: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Văn S.

- Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 19-01-2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố: Võ Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 50, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn S 04 (bốn) năm tù. Tổng hợp hành hình phạt 04 (bốn) năm tù của Bản án số: 82/2017/HS-PT ngày 29-8-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Bị cáo S phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 08 (tám) năm tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25-02-2017.

- Về án phí HSPT: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thành phố M;
- VKSND thành phố M;
- Công an thành phố M;
- THADS thành phố M;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Thu Hằng